

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2019

“V/v *Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Ngọc Trứ;

- Bà Lý Thị Bé Năm;

Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Trần Thị Thanh H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Dương Văn U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt, anh U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Dương Văn U tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy theo giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 05/9/1990. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh U không lo làm ăn và chăm sóc vợ con, thường xuyên xảy ra xung đột, anh U xúc phạm danh dự của chị, chị cố gắng hòa giải để hàn gắn gia đình chăm lo con chung cũng như kinh tế gia đình nhưng anh U không sửa tính tình nên

anh, chị đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không thể hàn gắn được chị xin ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị và anh U có 03 con chung tên Dương Hữu V, sinh ngày 15/3/1991; Dương Thị Thanh H, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 29/8/2002 hiện 02 cháu V và H đã trưởng thành, cháu H2 đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2 không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Dương Văn U trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung cũng như về tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn gia đình là đúng. Tuy nhiên về yêu cầu xin ly hôn của chị H anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con và anh muốn hàn gắn gia đình.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh U kết hôn năm 1990 có 03 con chung. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, do anh U không quan tâm chăm sóc gia đình mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Tại Tòa hôm nay chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh U. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh U vắng mặt. Xét thấy tình cảm của anh chị không còn nên yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh U là có cơ sở.

Về con chung: Chị và anh U có 03 con chung tên Dương Hữu V, sinh ngày 15/3/1991; Dương Thị Thanh H, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 29/8/2002 hiện 02 cháu V và H đã trưởng thành, cháu H2 đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2 không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị H.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh H và anh Dương Văn U tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký

kết hôn số 108 ngày 05/9/1990 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Dương Văn U vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh U.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh U lý do chị cho rằng anh U không lo làm ăn, thường xuyên nhậu về đánh chị, không quan tâm chăm sóc vợ con, nay chị thấy không còn hạnh phúc với anh U, anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Tại phiên tòa anh U vắng mặt. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải cũng như bản tự khai anh U không đồng ý ly hôn anh cho rằng còn thương vợ. Nhưng anh không đưa ra được biện pháp khắc phục nhằm hàn gắn vợ chồng để nuôi dạy con. Chị H cũng cho rằng thời gian qua chị sống với anh U chị đã chịu nhiều cực khổ và chị đã cố gắng khắc phục để sống cùng với anh U nhằm nuôi dạy các con khôn lớn, nay các con đã trưởng thành và tình cảm của chị đối với anh U không còn. Trong thời gian ly thân anh U cũng không quan tâm đến chị H. Xét thấy tình cảm giữa chị H và anh U không thể hàn gắn được, bởi lẽ trong quá trình chung sống bản thân anh U không lo cuộc sống gia đình và nuôi dạy con chung. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Chị H và anh U có 03 con chung tên Dương Hữu V, sinh ngày 15/3/1991; Dương Thị Thanh H, sinh ngày 10/10/1993 và cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 24/8/2002 hiện 02 cháu V và H đã trưởng thành, cháu H2 đang sống với chị. Khi ly hôn chị H yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H2 không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh U khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh H.

- **Về tình cảm:** Cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Dương Văn U.

- **Về con chung:** Giao cho chị Trần Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thị Thanh H2, sinh ngày 29/8/2002. Chị H không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị Trần Thị Thanh H phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002282 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Cai Lậy. Như vậy, chị H đã nộp xong.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh U được quyền kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX Cai Lậy;
- C.C THADS TX Cai Lậy ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Mỹ Hạnh Trung;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hòa Hợp

